

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2019/DS-PT
Ngày: 25 - 4 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978

Địa chỉ: đường H, khóm 3, phường 3, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: Ông Lê Thành T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: phường 7, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1975 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Việt T2, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phù Xí Ng, sinh năm 1948 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Cư trú tại: Xã P, huyện P, tỉnh C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phù Xí Ng: Ông Đặng Minh Hải - Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh Hải, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1944 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Cư trú tại: Xã P, huyện P, tỉnh C

3. Bà Nguyễn Bích Tr, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

4. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chánh – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2018, vắng mặt).

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn; ông Nguyễn Hữu L và bà Phù Xí Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Ngày 17/4/2015 bà có cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 vay số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất là 01%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Đ và bà T có thể chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Việt T2. Ngày 17/6/2015 ông Đ và bà T có trả cho bà được được 02 tháng tiền lãi thông qua bà Nguyễn Bích Tr, từ ngày 17/6/2015 ông Đ và bà T không trả lãi cho bà. Đến ngày 30/5/2016 thì giữa bà với ông Đ và bà T có thỏa thuận lại mức lãi suất là 03%/tháng nhưng ông Đ, bà T vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận.

Nay bà yêu cầu buộc ông Đ và bà T trả số tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 17/6/2015 đến ngày 17/3/2016 với mức lãi suất là 01%/tháng, tương ứng với số tiền lãi là 40.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 490.500.000 đồng. Từ ngày 17/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, tương đương 32 tháng với mức lãi suất là 03% trên tháng của số tiền 490.500.000 đồng, tương ứng với số tiền lãi là 470.880.000 đồng. Tổng cộng các khoản vốn và lãi là 961.380.000 đồng. Đồng thời, bà yêu cầu đưa tài sản thế chấp ra thanh lý để thu hồi nợ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 trình bày:* Vợ chồng ông bà được cha mẹ là bà Phù Xí Ng và ông Nguyễn Hữu L cho mượn phần đất ở và căn nhà với tổng diện tích là 100m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Do nhu cầu trong việc vay vốn để làm ăn, nên vợ chồng ông, bà mới giả mạo chữ ký của bà Ng và ông L để lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 ngày 06/02/2015. Đến ngày 17/4/2015 vợ chồng ông bà thế chấp phần đất ở, nhà ở này cho bà Nguyễn Thị C để vay số tiền 450.000.000 đồng, với lãi suất 01%/tháng, vay không kỳ hạn theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 17/4/2015. Sau khi vay vợ chồng ông, bà đã trả được 12 tháng lãi với số tiền là

54.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông, bà chấp nhận trả cho bà C số tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và lãi suất là 01%/tháng kể từ ngày 17/4/2016. Ông, bà không chấp nhận trả phần lãi suất 03%/tháng của số tiền 490.500.000 đồng theo yêu cầu của bà C. Riêng đối với tài sản thế chấp thì không phải là tài sản của vợ chồng ông, bà mà là của bà Ng và ông L, vì vậy vợ chồng ông, bà yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp tài sản với bà C để vợ chồng ông bà trả lại tài sản là nhà, đất cho bà Ng và ông L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phù Xí Ng và ông Nguyễn Hữu L thống nhất trình bày:* Năm 2002 vợ chồng ông, bà có cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 mượn phần đất ở và căn nhà với tổng diện tích là 100m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Đến ngày 06/02/2015 ông Đ và bà T tự ý chuyển tên sang cho ông Đ và bà T và đồng thời thế chấp cho bà Nguyễn Thị C để vay tiền mà vợ chồng ông, bà không hay biết. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 đã thế chấp cho bà C và buộc ông Đ và bà T trả lại phần nhà ở và đất ở cho ông, bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Bích Tr trình bày:* Vào ngày tháng năm nào thì bà không nhớ, bà có nhận của vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 số tiền là 9.000.000 đồng để trả lãi tiền vay cho bà Nguyễn Thị C. Ngoài số tiền này ra thì vợ chồng ông Đ và bà T không có giao cho bà số tiền nào khác.

- *Tại Công văn số:1789/UBND ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân xác định:* Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 là đúng quy trình luật định. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Đôi Vàm thực hiện sai quy định về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2, nên về phần đất tranh chấp sẽ được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân xử lý khi có kết quả giải quyết của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng là 661.500.000 đồng (sáu trăm sáu mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về số tiền lãi suất còn lại là 299.880.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 trả lại cho bà Nguyễn Thị C chi phí thẩm định, đo đạc là 4.315.000 đồng và chi phí định giá là 2.342.280 đồng.

Hủy hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 17/4/2015 giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2.

Buộc bà Nguyễn Thị C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065, cấp ngày 06/02/2015 cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2.

Giao cho bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L cùng với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 tự thỏa thuận giải quyết quyền sở hữu tài sản đối với phần đất ở, nhà ở được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065, cấp ngày 06/02/2015 do ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 đứng tên, nếu các bên không thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2018 bà C kháng cáo yêu cầu buộc ông Đ và bà T trả tổng số tiền vốn và lãi là 961.380.000 đồng. Không hủy hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 17/4/2015. Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 cho bà C để đối trừ nợ.

Ngày 13/12/2018, bà Ng và ông L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông bà về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ và bà T, buộc ông Đ và bà T trả lại nhà và đất cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị C kháng cáo thống nhất với án sơ thẩm về việc buộc ông Đ, bà T trả lại bà số tiền vốn 450.000.000đ nhưng không thống nhất với án sơ thẩm số tiền lãi suất là 211.500.000đ và hủy hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 17/5/2015 giữa bà và ông Đ, bà T. Bà C yêu cầu ông Đ, bà T phải trả số tiền lãi cho bà là 511.380.000đ, không hủy hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 15/5/2015 và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C để đối trừ nợ. Bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L kháng cáo yêu cầu chấp nhận hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 cấp ngày 06/02/2015 do ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 đứng tên và buộc ông Đ, bà T trả nhà và đất cho ông L, bà Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Ngày 17/4/2015 bà C có cho ông Đ và bà T vay số tiền vốn 450.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, điều này đã được bà C với ông Đ và bà T cùng thừa nhận. Do ông Đ và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vốn vay nên bà C khởi kiện, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Đ và bà T trả lại cho bà C số tiền vốn vay 450.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về mức lãi suất, khi bà C với ông Đ và bà T giao kết hợp đồng vay, lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, mức lãi suất này xét thấy là phù hợp với quy định.

Tuy nhiên nguyên đơn cho rằng đến ngày 30/5/2016 thì bà C với ông Đ và bà T có thỏa thuận lại mức lãi suất là 03%/tháng nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 03%/tháng kể từ ngày 17/4/2016, xét thấy mức lãi suất 03%/tháng theo nguyên đơn yêu cầu là cao hơn mức lãi suất quy định. Nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 điều chỉnh lại mức lãi suất và áp dụng lãi suất quá hạn 1,5%/tháng là phù hợp với quy định.

[4] Về số tiền lãi đã thanh toán, nguyên đơn cho rằng ông Đ và bà T chỉ trả được 02 lần bằng số tiền 9.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà C xác định tổng cộng ông Đ và bà T đã trả lãi tất cả là 05 tháng, mỗi tháng lãi là 4.500.000 đồng. Ngược lại ông Đ và bà T cho rằng đã trả được 12 tháng lãi bằng số tiền là 54.000.000 đồng. Xét thấy ngoài lời trình bày của mình thì bà C và ông Đ, bà T không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh số tiền lãi đã trả, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 29/7/2016 bà C xác định ông Đ và bà T đã trả lãi đủ đến ngày 17/4/2016, chỉ yêu cầu trả lãi tiếp từ ngày 18/4/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án, như vậy việc bà C thừa nhận ông Đ và bà T đã trả lãi đủ đến ngày 17/4/2016 theo đơn khởi kiện và bản tự khai là phù hợp với lời khai của ông Đ và bà T. Từ đó, cấp sơ thẩm buộc ông Đ và bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho bà C từ ngày 18/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 31 tháng 10 ngày x lãi suất 1,5%/tháng x tiền vốn vay 450.000.000 đồng = 211.500.000 đồng là có căn cứ.

[5] Xét hợp đồng thế chấp tài sản xác lập ngày 17/4/2015 giữa bà C với ông Đ và bà T thấy rằng đối tượng của hợp đồng thế chấp là nhà ở và đất ở dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay. Tuy đối tượng thế chấp là đất ở, nhà ở nhưng bà C với ông Đ và bà T không thực hiện đúng về trình tự, thủ tục đăng ký thế chấp, đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định, do vậy hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà C với ông Đ, bà T chưa có hiệu lực thi hành. Mặc khác đối với phần đất ở và nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 ngày 06/02/2015 do ông Đ và bà T đứng tên, qua kết quả điều tra của công an huyện Phú Tân đã kết luận ông Đ và bà T giả mạo chữ ký của bà Ng và ông L để lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên Công an huyện Phú Tân đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Từ cơ sở trên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà C về việc đưa tài sản thế chấp ra phát mãi để thu hồi nợ, đồng thời hủy hợp đồng thế chấp do các bên xác lập ngày 17/4/2015 theo yêu cầu của ông Đ và bà T, buộc bà C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 ngày 06/02/2015 cho ông Đ, bà T là có căn cứ.

[6] Đối với kháng cáo của bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 ngày 06/02/2015, buộc ông Đ và bà T trả lại nhà ở, đất ở. Hội đồng xét xử xét thấy đây là mối quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Ng, ông L với ông Đ, bà T, không cùng quan hệ pháp luật tranh chấp mà bà C khởi kiện ông Đ, bà T. Như đã nhận định trên, quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà T cũng thừa nhận nhà ở, đất ở là thuộc quyền sở hữu của ông L và bà Ng, nên ông Đ và bà T đồng ý trả lại cho ông L và bà Ng, do vậy cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu của bà Ng và ông L không xem xét trong vụ án này, giao cho bà Ng, ông L cùng với ông Đ và bà T tự thỏa thuận về tài sản là phần đất được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065 cấp ngày

06/02/2015 do ông Đ và bà T đứng tên và căn nhà có trên đất, nếu các bên không thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện theo thủ tục chung là phù hợp.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà C, bà Ng và ông L. Không cần thiết hủy án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[9/] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, bà Ng và ông L nên bà C, bà Ng và ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị C

Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng là 661.500.000 đồng (sáu trăm sáu mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về số tiền lãi suất còn lại là 299.880.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 trả lại cho bà Nguyễn Thị C chi phí thẩm định, đo đạc là 4.315.000 đồng và chi phí định giá là 2.342.280 đồng.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ và bà T không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Hủy hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 17/4/2015 giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2. Buộc bà Nguyễn Thị C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065, cấp ngày 06/02/2015 cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2.

Giao cho bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L cùng với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 tự thỏa thuận giải quyết quyền sở hữu tài sản đối với phần

đất ở, nhà ở được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 211065, cấp ngày 06/02/2015 do ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 đứng tên, nếu các bên không thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Việt T2 phải chịu là 30.460.000 đồng. Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần không được chấp nhận là 14.994.000 đồng. Bà C được trừ số tiền tạm ứng án phí là 15.789.125 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09377 ngày 29 tháng 7 năm 2016 và biên lai 0006386 ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà C được nhận lại phần tiền chênh lệch là 795.125 đồng.

Án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng, bà Phù Xí Ng, ông Nguyễn Hữu L phải 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị C, bà Phù Xí Ng và ông Nguyễn Hữu L đã nộp xong nên chuyển thu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lập - Nguyễn A Đam

Phạm Việt Trung